

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-PT

Ngày: 04 - 9 - 2018

V/v: “Tranh chấp chia di sản
thừa kế theo pháp luật”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Được

Ông Nguyễn Đức Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2018/QĐPT-DS ngày 10/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 18/2018/QĐ-PT ngày 21/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Tuấn Q, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn AT1, xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn AT1, xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1976 (có mặt)

3/. Ông Nguyễn T1, sinh năm 1978 (vắng mặt)

4/. Bà Dương Thị L1, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn AT1, xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q trình bày:

Ông là con đẻ của bà Nguyễn Thị G1. Bà G1 chết năm 2014, không để lại di chúc. Bà G1 có 05 người con đẻ là Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Thị Gái, Nguyễn Tấn, Võ Tuấn Quốc.

Nguồn gốc Thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là của ông bà ngoại ông để lại cho bà G1.

Năm 1998, bà G1 làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với Thửa đất 175 này và ngày 16/11/1998, Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00097 cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị G1 được quyền sử dụng Thửa đất số 175. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ bà G1 có 04 nhân khẩu gồm: Bà G1 làm chủ hộ, ông Nguyễn T1, bà Nguyễn Thị G và ông là các con của bà G1.

Khi bà G1 còn sống, ông Nguyễn Văn L là anh cùng mẹ khác cha với ông, không có chỗ ở ổn định, nên hộ gia đình bà G1 đồng ý cho ông L xây dựng một căn nhà cấp 4 trên phần đất trống của Thửa đất 175 nói trên.

Gia đình ông và gia đình ông L sống chung trên thửa đất, đi chung một cửa ngõ, nên không thuận tiện cho việc sinh hoạt. Năm 2016, ông muốn sửa chữa căn nhà cũ nhưng ông L ngăn cản, không cho xây dựng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của bà G1 để lại theo pháp luật. Phần ông được nhận, ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật là căn nhà và đất gắn liền và phần diện tích đất trống phía sau căn nhà ông L đang sử dụng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông xác nhận nội dung trình bày của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q về tên mẹ, các con và nguồn gốc Thửa đất số 175 là đúng sự thật.

Năm 1997, hộ gia đình bà G1 đồng ý cho ông xây dựng một căn nhà cấp 4 bên cạnh căn nhà cũ để ở như hiện nay.

Ông không biết bà G1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất này khi nào. Quá trình sống chung trên thửa đất này, ông Q nói ông

không có quyền gì đối với tài sản này và yêu cầu ông phải ký vào giấy tờ cho ông Q toàn quyền sử dụng, sở hữu. Do ông không đồng ý nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Ông không đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Q. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn T1 trình bày:

Các ông bà đồng ý nội dung trình bày của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q về tên mẹ, các con; nguồn gốc Thửa đất 175 và đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q.

Phần các ông bà được nhận thừa kế, các ông bà đồng ý tặng cho ông Q sở hữu.

Đối với diện tích đất ông Nguyễn Văn L đã xây dựng nhà ở, các ông bà không có tranh chấp và đồng ý để ông L tiếp tục sử dụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị G trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn L. Tiền xây dựng căn nhà cấp 4 trên một phần diện tích của Thửa đất 175 là của vợ chồng bà bỏ ra, nên đây là tài sản chung của vợ chồng bà.

Với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q, bà có ý kiến như sau:

- Đối với căn nhà do vợ chồng bà xây dựng, bà yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu cho vợ chồng bà.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật, bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Do bận công việc gia đình, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án trong tất cả các giai đoạn tố tụng vắng mặt bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 165, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 635, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự; Pháp lệnh án án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q.

1/. Giao cho ông Võ Tuấn Q được quyền sử dụng 133,5 m² đất thuộc một phần Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH, nay là Thửa 455, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH theo Trích lục số 504 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh N. Ông Võ Tuấn Q được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích 133,5 m² nay là Thửa 455, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH gồm: Nhà ở diện tích 37,82 m² (nhà của bà Sảnh để lại), nền xi măng sân trước diện tích 50,92 m², mái hiên trước diện tích 29,64 m²; 19,3 m hàng rào lưới B40 cao 1,2 m; 5,2m hàng rào xây gạch cao 1,5 m; nhà vệ sinh + nhà bếp diện tích 16,5 m²; 07 cây trụ bê tông cao 3 m, đường kính 16 cm và số tiền 15.023.500 đồng do vợ chồng ông L hoàn lại.

Vị trí tứ cận: Đông giáp đường đi; Tây giáp Thửa 173; Nam giáp Thửa 126; Bắc giáp Thửa 454 (kèm theo Trích lục bản đồ địa chính).

2/. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng 104,5 m² đất thuộc một phần Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH nay là Thửa 454, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH theo Trích lục số 504 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh N. Vợ chồng ông Nguyễn Văn L được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất này gồm: Nhà ở diện tích xây dựng 53,82 m², nhà kho + nhà vệ sinh diện tích 11,34 m², mái hiên trước diện tích 27 m², mái hiên sau diện tích 06 m², hàng rào lưới B40 dài 7,6 m cao 1,2 m, sân bê tông xi măng phía trước diện tích 27 m²; nền xi măng sau nhà kho diện tích 04 m², 01 giếng bi.

Vị trí tứ cận: Đông giáp đường đi; Tây giáp Thửa 455; Nam giáp Thửa 126; Bắc giáp Thửa 176 (kèm theo Trích lục bản đồ địa chính).

3/. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn L phải hoàn trả lại giá trị đất chênh lệch được nhận cho ông Võ Tuấn Q số tiền 15.023.500 đồng.

4/. Tạm giao số tiền 21.746.500 đồng là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Sảnh cho ông Võ Tuấn Q quản lý, khi nào các đồng thừa kế của bà Sảnh có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác. Việc quản lý di sản thực hiện theo Điều 616, Điều 617, Điều 618 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, lãi suất chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/02/2018, Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q làm đơn và nộp đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước. Nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho ông được quyền sử dụng thêm diện tích đất trống phía sau căn nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn L để sử dụng giếng nước sinh hoạt, hầm rút sả thải do ông xây dựng; Giao cho ông được quyền sử dụng diện tích

đất bên hông căn nhà bà Phạm Thị S để làm đường đi ra phía sau và cắt phần đan mái bên hông của căn nhà ông Nguyễn Văn L có chiều rộng khoảng 0,5 m nằm trên diện tích đất bên hông căn nhà của bà S.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T1, bà Dương Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông T1, bà L1.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định bản án dân sự sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật” được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2005 là đúng pháp luật.

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho ông Q được quyền sử dụng thêm diện tích đất trống phía sau căn nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn L để sử dụng giếng nước sinh hoạt, hầm rút sả thải do ông Q xây dựng; Giao cho ông Q được quyền sử dụng diện tích đất bên hông căn nhà bà Phạm Thị S để làm đường đi ra phía sau và cắt phần đan mái bên hông của căn nhà ông

Nguyễn Văn L có chiều rộng khoảng 0,5 m nằm trên diện tích đất bên hông căn nhà của bà Sảnh để lại. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 03/9/1997 (BL 119) thể hiện: Bà Nguyễn Thị G1 xin đăng ký kê khai Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b tại thôn An T1, xã AH, diện tích 238 m², nguồn gốc sử dụng có trước năm 1975. Ngày 05/10/1997, Ủy ban nhân dân xã AH xác nhận hộ bà Nguyễn Thị G1 đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 238 m², trong đó có 200 m² đất ở và 38 m² đất vườn. Ngày 30/6/1998, Phòng địa chính đã kiểm tra đơn, hộ bà Nguyễn Thị G1 đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00097 ngày 16/11/1998 của Ủy ban nhân dân huyện N (BL 24) thể hiện: Hộ bà Nguyễn Thị G1 được quyền sử dụng 238 m² đất, trong đó có 200 m² đất ở và 38 m² đất vườn; Thời hạn sử dụng đến tháng 06/2018, Phần ghi thêm: Đất ở từ trước năm 1975.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/01/2017 (BL 39), các Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2017 (BL 47, 48), Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2017 (BL 50), Biên bản hòa giải ngày 26/9/2017 (BL 55, 56): Nguyên đơn ông Q; Bị đơn ông L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn T1 là các con của bà G1 đều xác nhận nguồn gốc Thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 11b xã AH là của vợ chồng ông Nguyễn H bà Phạm Thị S là cha mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị G1 để lại cho bà G1.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2017 (BL 46) bà Bạch Thị Mạnh khai: Bà là con đẻ của bà Nguyễn Thị C, là cháu ngoại của vợ chồng ông Nguyễn H bà Phạm Thị S. Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH là của vợ chồng ông H bà S để lại trước năm 1975. Vợ chồng ông H bà S có 04 người con là Nguyễn Thị T2, Nguyễn K (đã chết, không có vợ con); Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị G.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2017 (BL 49) bà Nguyễn Thị T2 khai: Bà T2 là con của vợ chồng ông Nguyễn H bà Phạm Thị S. Bà xác nhận Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH là của vợ chồng ông H bà S để lại. Lúc bà S còn sống, thửa đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà G1, bà không có ý kiến gì và không có tranh chấp gì.

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Thửa đất số 175, tờ bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị G1 để lại là có cơ sở. Tuy nhiên, diện tích đất đo đạc trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm không chính xác; Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất ở, diện tích đất trồng cây lâu năm được chia cho ông Q, chia cho

ông L là bao nhiêu; Bỏ sót không giải quyết tài sản là hàm rút do ông Q xây dựng.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 14/7/2018 của Hội đồng định giá do Tòa án cấp phúc thẩm thành lập (BL 120 -122) thể hiện: Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH, có diện tích theo hiện trạng sử dụng đất là 223,9 m². Trong đó có 200 m² đất ở và 23,9 m² đất trồng cây lâu năm.

Trị giá đất: $(200 \text{ m}^2 \times 160.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,1) + (23,9 \text{ m}^2 \times 32.000 \text{ đồng/m}^2 \times 1,0) = 35.964.800 \text{ đồng}$.

- Tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 14/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận (BL 118), Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH được tách ra thành 02 thửa gồm:

+ Thửa đất số 454, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 102,6 m². Trong đó có: 91,6 m² đất ở và 11 m² đất trồng cây lâu năm. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 176; Phía Tây giáp Thửa 455; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp Thửa đất số 126. Trị giá đất: 16.473.600 đồng.

Trên Thửa đất số 454 có 01 căn nhà cấp 4B, 01 tầng, có diện tích xây dựng 61,14 m², tường xây gạch, trụ gạch, mái lợp tôn Fibrô xi măng, không đóng trần, tường trong và tường ngoài quét vôi, cửa gỗ, nền lát gạch ceramic, do vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 xây dựng, trị giá là 98.435.400 đồng; 01 Hàm rút có thể tích 1,4 m x 1,4 m x 02 m = 3,92 m³ do ông Võ Tuấn Q xây dựng, trị giá 1.739.304 đồng.

+ Thửa đất số 455, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, có diện tích 121,3 m², trong đó có: 108,4 m² đất ở và 12,9 m² đất trồng cây lâu năm. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 454; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp Thửa đất số 126. Trị giá đất: 19.491.200 đồng.

Trên Thửa đất số 455 có 01 căn nhà cấp 4C, 01 tầng, diện tích xây dựng 55,8 m², tường xây gạch, trụ gạch, sử dụng trụ gỗ, móng xây gạch, không đóng trần, cửa gỗ, nền láng xi măng của bà Nguyễn Thị S để lại, do ông Võ Tuấn Q đang quản lý, sử dụng; Trị giá nhà 23.994.000 đồng.

Xét thấy: Diện tích đất của Thửa đất số 175, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH được chia làm hai thửa, cắt thẳng từ trước ra phía sau, có đường đi độc lập, thuận tiện cho việc sử dụng của ông Q và vợ chồng ông L bà L1; Trên diện tích đất bên hông căn nhà ông Q đang quản lý là đan của căn nhà cấp 4B do vợ chồng ông L bà L1, nếu cắt bỏ đan nhà sẽ ảnh hưởng đến công năng, kết cấu và thẩm mỹ của căn nhà. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo giao cho ông Q được quyền sử dụng thêm diện tích đất trồng phía sau căn nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn L để sử dụng giếng nước sinh hoạt; Cưa cắt phần đan mái bên hông căn nhà của vợ chồng ông L bà L1 khoảng 0,5m để giao cho ông

Q quyền sử dụng diện tích đất bên hông căn nhà của bà Sảnh để làm đường đi ra phía sau;

Căn cứ các Điều 633, 634, 635, 638, 675, điểm a khoản 1 Điều 676, Điều 685, 733 Bộ luật dân sự năm 2005

Tổng trị giá di sản thừa kế của bà G1 là 35.964.800 đồng được chia làm 05 phần bằng nhau cho 05 người con đẻ là Nguyễn Văn L, Nguyễn T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị G, Võ Tuấn Q, mỗi người được nhận thừa kế di sản trị giá 7.192.960 đồng (cách tính: 35.964.800 đồng : 5). Do ông T, ông T1, bà G cho hẳn ông Q trị giá di sản được nhận, nên ông Q sẽ được nhận tổng cộng là 28.771.840 đồng (cách tính: 7.192.960 đồng x 4).

- Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 được quyền sử dụng Thửa đất số 454, tờ bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 102,6 m² đất, trong đó: 91,6 m² đất ở và 11 m² đất trồng cây lâu năm. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 176; Phía Tây giáp Thửa 455; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp Thửa đất số 126. Trị giá đất: 16.473.600 đồng.

Trên Thửa đất số 454 có 01 căn nhà cấp 4B, 01 tầng, có diện tích xây dựng 61,14 m², tường xây gạch, trụ gạch, mái lợp tôn Fibrô xi măng, không đóng trần, tường trong và tường ngoài quét vôi, cửa gỗ, nền lát gạch ceramic do vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 xây dựng.

Vợ chồng ông L bà L1 được quyền sở hữu 01 Hàm rút có thể tích 3,92 m³ trị giá 1.739.304 đồng do ông Q xây dựng trên Thửa đất số 454 và phải hoàn lại cho ông Q 1.739.304 đồng trị giá Hàm rút này.

Vợ chồng ông L bà L1 phải hoàn lại cho ông Q 9.280.640 đồng chênh lệch di sản được nhận.

- Giao cho ông Võ Tuấn Q được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4C, 01 tầng, diện tích xây dựng 55,8 m², tường xây gạch, trụ gạch, sử dụng trụ gỗ, móng xây gạch, không đóng trần, cửa gỗ, nền lát xi măng, do ông Võ Tuấn Q quản lý, sử dụng, trị giá nhà 23.994.000 đồng và được quyền sử dụng Thửa đất số 455, tờ bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 121,3 m², trong đó: 108,4 m² đất ở và 12,9 m² đất trồng cây lâu năm. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 454; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp Thửa đất số 126. Trị giá đất: 19.491.200 đồng.

Với các tài liệu chứng cứ nói trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Q; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

[2.2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại giai đoạn phúc thẩm là 3.000.000 đồng. Ông Q, ông L phải chịu tương ứng với trị giá di sản thừa kế được nhận, cụ thể: Ông Q phải chịu 2.500.000 đồng; ông L phải

chịu 500.000 đồng. Do ông Q đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nên ông L phải hoàn lại cho ông Q 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Q phải chịu 1.438.592 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 7.192.960 đồng x 4 x 5%); Ông L phải chịu 359.648 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 7.192.960 đồng x 5%).

[2.4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, nên Nguyên đơn ông Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước.

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q.

- **Áp dụng:** Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 148, Điều 165, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 634, Điều 635, Điều 645, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của Nguyên đơn ông Võ Tuấn Q.

1/. Ông Võ Tuấn Q được quyền sở hữu 01 căn nhà cấp 4C, 01 tầng, có diện tích xây dựng 55,8 m², tường xây gạch, trụ gạch, sử dụng trụ gỗ, móng xây gạch, không đóng trần, cửa gỗ, nền lát xi măng và được quyền sử dụng Thửa đất số 455, tờ bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, diện tích 121,3 m², trong đó có: 108,4 m² đất ở và 12,9 m² đất trồng cây lâu năm gắn liền với nhà. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 454; Phía Tây giáp đường đất; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp Thửa đất số 126.

(Hiện ông Võ Tuấn Q đang quản lý các tài sản nói trên).

- Ông Võ Tuấn Q được quyền sở hữu 9.280.640 đồng chênh lệch di sản được nhận do vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 có trách nhiệm hoàn lại.

2/. Vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 được quyền sử dụng Thửa đất số 454, tờ Bản đồ địa chính số 11b xã AH, huyện N, tỉnh Ninh Thuận,

có diện tích 102,6 m², trong đó: 91,6 m² đất ở và 11 m² đất trồng cây lâu năm gắn liền nhà. Vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Thửa đất số 176; Phía Tây giáp Thửa 455; Phía Nam giáp đường bê tông; Phía Bắc giáp Thửa đất số 126.

- Vợ chồng ông L bà L1 được quyền sở hữu 01 Hàm rút có thể tích 3,92 m³ trị giá 1.739.304 đồng do ông Võ Tuấn Q xây dựng trên Thửa đất số 454.

Trên Thửa đất số 454 có 01 căn nhà cấp 4B, 01 tầng, có diện tích xây dựng 61,14 m², tường xây gạch, trụ gạch, mái lợp tôn Fibrô xi măng, không đóng trần, tường trong và tường ngoài quét vôi, cửa gỗ, nền lát gạch ceramic do vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 xây dựng.

(Hiện vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 đang quản lý các tài sản nói trên)

3/. Vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 phải hoàn lại cho ông Võ Tuấn Q 9.280.640 đồng chênh lệch di sản thừa kế được nhận;

4/- Vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 phải hoàn lại cho ông Võ Tuấn Q 1.739.304 đồng trị giá Hàm rút do ông Võ Tuấn Q xây dựng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Võ Tuấn Q, vợ chồng ông Nguyễn Văn L bà Dương Thị L1 phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong giai đoạn phúc thẩm:

+ Ông Võ Tuấn Q phải chịu 2.500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Võ Tuấn Q đã nộp đủ;

+ Ông Nguyễn Văn L phải chịu 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông Nguyễn Văn L phải hoàn lại cho ông Võ Tuấn Q 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/. Tạm giao 21.746.500 đồng trị giá di sản thừa kế của bà Phạm Thị Sảnh để lại cho ông Võ Tuấn Q quản lý, khi nào các đồng thừa kế của bà Phạm Thị Sảnh có đơn khởi kiện sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Võ Tuấn Q phải chịu 1.438.592 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010849 ngày 19/12/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Hoàn lại cho ông Võ Tuấn

Q 561.408 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

+ Ông Nguyễn Văn L phải chịu 359.648 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Võ Tuấn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Võ Tuấn Q 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014706 ngày 01/3/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo bản án là Trích lục chính lý bản đồ địa chính ngày 14/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện Ninh Phước;
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước;
- Phòng KTNV và THA;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hồng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Phòng KTNV và THA;
- Phòng HC-TP;
- Lưu (HS-AV).

**TM. HỘI
ĐỒNG XÉT XỬ
PHÚC THẨM
THẨM PHÁN
– CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích
Hong**

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thành Quang Hàn Lâm Viên

Nguyễn Văn Được